

Bản án số: 156/2023/ HNGĐ-ST

Ngày 21 - 12 - 2023

V/v ly hôn giữa chị T và
Anh C

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái; Ông Cao Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Xóm V, xã V1, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Xóm V, xã V1, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà T, ông C vắng mặt (bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định vào tháng 01 năm 2002. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 11/2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do ông C hay rượu chè rồi sinh sự đánh bà, con bà có can ngăn thì ông C chém cả con bà vào tay. Nay bà

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Công C1, sinh ngày 05 tháng 07 năm 2002; Trần Hữu T2, sinh ngày 05 tháng 05 năm 2004, hiện các con đã xây dựng gia đình. Bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ ông C trình bày:

Về thời gian kết hôn: Vợ chồng ông C bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện Trục Ninh vào tháng 01/2002. Quá trình chung sống của vợ chồng ông C từ năm 2018 đã xảy ra mâu thuẫn. Do bà T nghi ngờ ông C có quan hệ ngoài luồng, nhiều lúc mâu thuẫn căng thẳng. Hiện nay bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở.

Về tài sản: Vợ chồng ông C có nhà, hiện ông C và vợ chồng cháu thứ 2 đang ở.

Tại biên bản lấy lời khai chị Cao Lan H là con dâu ông C trình bày:

Chị là con dâu ông C bà T từ tháng 12/2022 và chung sống cùng bố mẹ chồng đến nay, bố mẹ hay xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần bố mẹ cãi vã nhau, anh trai chồng chị có vào can ngăn nhưng bố chồng (ông C) chém cả anh của chồng chị, hiện nay mẹ chồng (bà T) đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở.

Thời gian qua chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi về cho bố chồng (ông C), ông C có nhận được nhưng ông bận đi làm, còn việc ông C có lên Tòa án làm việc hay không chị không biết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, bà T thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Ông C vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T, xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C; Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Công C1, sinh ngày 05 tháng 07 năm 2002; Trần Hữu T2, sinh ngày 05 tháng 05 năm 2004 hiện các con đã xây dựng gia đình; Về tài sản, công nợ: bà T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn C. Bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2002, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Từ tháng 11/2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà T cho rằng; Ông C hay rượu chè rồi sinh sự đánh vợ con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T là phù hợp với quy định của Pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Công C1, sinh ngày 05 tháng 07 năm 2002; Trần Hữu T2, sinh ngày 05 tháng 05 năm 2004, hiện các con đã xây dựng gia đình, bà T có lời khai không yêu cầu giải quyết nên việc nuôi con không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Bà Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Công C1, sinh ngày 05 tháng 07 năm 2002; Trần Hữu T2, sinh ngày 05 tháng 05 năm 2004, hiện các con đã xây dựng gia đình.

3. Án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí bà T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002360 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Bà Phạm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V1, huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu